

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trúc H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017 ông Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Trúc H trình bày: Bà và ông Trần Văn L chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông L không quan tâm thương yêu bà, sau khi cưới nhau ông L thường xuyên đi suốt đêm bỏ bà ở nhà một mình, bà có khuyên ông L không nghe nên vợ chồng xảy ra cự cãi. Bà và ông L ly thân từ năm 2009 đến nay. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông L nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Trong quá trình chung sống bà và ông L

không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2017 bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Trúc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì bà H tự ý bỏ đi vào năm 2009 đến nay. Bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà H. Trong quá trình chung sống ông và bà H không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017 ông Trần Văn L có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Trần Văn L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trúc H đối với ông Trần Văn L là quan hệ tranh chấp “ly hôn” nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P nên hôn nhân của bà H và ông L là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà H cho rằng vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu xin ly hôn với ông L. Tại bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2017 ông Trần Văn L xác định tình cảm giữa ông và bà H không còn và đồng ý ly hôn với bà H. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Trúc H về việc xin ly hôn với ông Trần Văn L.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

\* Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Trúc H và ông Trần Văn L.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Nguyễn Trúc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006523 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa  
(đã ký)

**Nguyễn Việt Triều**